

Số: .../2018/QH13

(Dự thảo)

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỂ DỤC, THỂ THAO

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

1. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 8. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết tranh chấp trong hoạt động thể dục, thể thao

1. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thể dục, thể thao được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các tranh chấp phát sinh trong hoạt động thể thao có thể do tổ chức trọng tài thể thao chịu trách nhiệm hòa giải và phán quyết.

Chính phủ quy định cơ cấu tổ chức và hoạt động của tổ chức trọng tài thể thao."

2. Sửa đổi Khoản 2 Điều 10 như sau:

"2. Phô biến, sử dụng doping, phương pháp bị cấm trong tập luyện và thi đấu thể thao".

3. Bổ sung Khoản 7 Điều 10 như sau:

"7. Lợi dụng hoạt động thể dục, thể thao để tổ chức cá cược và cá cược bất hợp pháp."

4. Bổ sung Khoản 3a Điều 11 như sau:

3a. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bảo đảm nguồn lực để xây dựng các công trình thể thao công cộng tại địa phương theo quy định sau:

a) Mỗi thôn, làng, ấp, bản phải có sân tập thể thao đơn giản;

b) Mỗi xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) phải có ít nhất một công trình thể dục, thể thao cấp xã: Sân vận động; Sân tập thể thao; Nhà tập luyện, thi đấu thể thao; Bể bơi; Các công trình thể thao khác;

c) Mỗi huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) phải có ít nhất ba công trình thể dục, thể thao cấp huyện: Sân vận động; Nhà tập luyện, thi đấu thể thao; Bể bơi;

d) Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có các công trình thể dục, thể thao cấp tỉnh: Sân vận động; Nhà tập luyện, thi đấu thể thao; Bể bơi.

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn tiêu chuẩn các công trình thể dục, thể thao công cộng và công nhận các địa phương có đủ số lượng công trình theo quy định.”

5. Sửa đổi Khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Thủ tướng Chính phủ quyết định tổ chức:

a) Các Đại hội thể dục thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam cho các đối tượng học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang, người khuyết tật.

b) Hội khỏe phù đồng toàn quốc.”

6. Bổ sung Khoản 2a, 2b Điều 13 như sau:

“2a. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định tổ chức các giải thể dục thể thao quần chúng toàn quốc.

2b. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ chỉ đạo tổ chức hoạt động thể dục, thể thao của Bộ, ngành.”

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

a) Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thể dục thể thao cho hoạt động giáo dục thể chất ở các cấp học;

b) Quy định số lượng, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao của từng cấp học;

c) Xây dựng, ban hành chương trình giáo dục thể chất, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên thể dục thể thao, hướng dẫn nội dung hoạt động thể thao ngoại khoá trong nhà trường.”

8. Sửa đổi Khoản 2 và Khoản 3 Điều 22 như sau:

“2. Đảm bảo giáo viên, giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tổ chức cho người học tham gia các hoạt động thể thao ngoại khoá; tạo điều kiện cho học sinh khuyết tật tham gia các hoạt động thể thao phù hợp.”

9. Sửa đổi Khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo các cấp có trách nhiệm tổ chức thi đấu thể thao để động viên phong trào thể dục, thể thao trong học sinh, sinh viên.”

10. Bổ sung Khoản 2a Điều 25 như sau:

“2a. Nhà trường có trách nhiệm tổ chức mỗi năm ít nhất một cuộc thi đấu thể thao toàn trường.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

"Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của vận động viên thể thao thành tích cao

1. Vận động viên thể thao thành tích cao có các quyền sau đây:

- a) Được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện tập luyện và thi đấu thể thao;
- b) Được chăm sóc và chữa trị chấn thương;
- c) Được hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù, tiền công theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

d) Được thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn trong tập luyện và thi đấu thể thao;

đ) Được tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

e) Được học tập văn hoá, chính trị, chuyên môn;

g) Vận động viên đạt thành tích xuất sắc trong các giải thể thao quốc gia và quốc tế được hưởng các chế độ ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chăm sóc sức khoẻ, tiền thưởng và các chế độ khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

h) Vận động viên không còn khả năng thi đấu thể thao được Nhà nước tạo điều kiện học nghề và giải quyết việc làm theo quy định của pháp luật.

2. Vận động viên có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện chương trình, giáo án tập luyện của huấn luyện viên;
- b) Chấp hành quy định của luật thi đấu thể thao và điều lệ giải thể thao;
- c) Rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức; nâng cao ý chí, lòng tự hào dân tộc;

d) Tôn trọng lợi ích của các tổ chức thể thao mà vận động viên đang là thành viên hoặc đang ký hợp đồng;

đ) Tham gia chương trình khám và xét nghiệm y tế sàng lọc; thực hiện các xét nghiệm kiểm tra Doping theo quy định."

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

"Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của huấn luyện viên thể thao thành tích cao

1. Huấn luyện viên thể thao thành tích cao có các quyền sau đây:

a. Được hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù, tiền công, thù lao theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

b. Được đảm bảo trang thiết bị huấn luyện;

c. Được học tập chính trị và nâng cao trình độ chuyên môn;

d. Được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật;

e. Huấn luyện viên đạt thành tích xuất sắc trong các giải thể thao quốc gia và quốc tế được hưởng các chế độ ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chăm sóc sức khỏe, tiền thưởng và các chế độ khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Huấn luyện viên thể thao thành tích cao có các nghĩa vụ sau đây:

- a. Tuyển chọn vận động viên;
- b. Quản lý, giáo dục vận động viên;
- c. Xây dựng và thực hiện kế hoạch chương trình huấn luyện thể thao sau khi được cơ quan sử dụng vận động viên phê duyệt;
- d. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho vận động viên;
- đ. Chấp hành quy định của luật thi đấu thể thao và điều lệ giải thể thao."

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

"Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của trọng tài thể thao thành tích cao

1. Trọng tài thể thao thành tích cao có các quyền sau đây:

- a. Được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;
- b. Được hưởng thù lao theo quy định;
- c. Được đảm bảo an toàn trong quá trình làm nhiệm vụ;

2. Trọng tài thể thao thành tích cao có các nghĩa vụ sau đây:

- a. Điều hành thi đấu theo quy định của luật thi đấu thể thao và điều lệ giải thể thao;
- b. Trung thực, khách quan trong điều hành thi đấu."

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

"Điều 37. Giải thi đấu thể thao thành tích cao

1. Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam ;
2. Đại hội thể thao toàn quốc;
3. Giải vô địch, giải vô địch trẻ từng môn thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam;
4. Giải thi đấu vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao;
5. Các giải thể thao khác trong hệ thống thi đấu của Liên đoàn thể thao quốc gia;
6. Giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương."

15. Điều 38 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 38. Thẩm quyền quyết định tổ chức giải thể thao thành tích cao

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định tổ chức các giải thể thao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 37 của Luật này theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định tổ chức các giải thể thao quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 37 của Luật này theo đề nghị của các liên đoàn thể thao quốc gia.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tổ chức giải thể thao quy định tại khoản 5, 6 Điều 37 của Luật này."

16. Bổ sung Điều 39a như sau:

"Điều 39a. Thẩm quyền ban hành luật thi đấu thể thao

1. Liên đoàn thể thao quốc gia quyết định ban hành luật thi đấu của môn thể thao sau khi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt.

2. Đối với những môn thể thao chưa thành lập Liên đoàn thể thao quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định ban hành luật thi đấu của môn thể thao đó."

17. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 và 4 Điều 39 như sau:

"3. Chủ tịch liên đoàn thể thao quốc gia phê duyệt điều lệ giải thể thao quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 37 của Luật này.

Đối với những môn thể thao chưa có tổ chức liên đoàn, hiệp hội thể thao, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt điều lệ giải thể thao quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 37.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều lệ giải thể thao quy định tại khoản 6 Điều 37 của Luật này."

18. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 40 như sau:

"2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền quyết định tổ chức giải thể thao quy định tại khoản 1, 2 Điều 37 của Luật này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, nếu không cho phép phải nêu rõ lý do.

Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền quyết định tổ chức giải thể thao quy định tại khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 37 của Luật này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, nếu không cho phép phải nêu rõ lý do."

19. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 44 như sau:

"2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân, thành lập các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, đào tạo vận động viên, huấn luyện viên và tổ chức thi đấu thể thao chuyên nghiệp."

20. Bổ sung Khoản 3 Điều 48 như sau:

"3. Hợp đồng chuyển nhượng vận động viên chuyên nghiệp có thể được ký kết thông qua người đại diện trung gian.

Đại diện trung gian được hưởng hoa hồng theo quy định của pháp luật và được cấp phép hành nghề theo quy định của Liên đoàn thể thao quốc gia, Liên đoàn thể thao quốc tế của môn thể thao đó."

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:

"Điều 54. Loại hình cơ sở thể thao

1. Cơ sở thể thao bao gồm:

- a) Trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao;
- b) Trung tâm hoạt động thể thao;
- c) Cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao;
- d) Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp;
- đ) Trường năng khiếu thể thao.

2. Các loại hình hoạt động của cơ sở thể thao gồm doanh nghiệp thể thao, hộ kinh doanh hoạt động thể thao và đơn vị sự nghiệp thể thao."

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 55 như sau:

"Điều 55. Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao

1. Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

- a) Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;
- b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao;
- c) Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh.

3. Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao chỉ được hoạt động kinh doanh khi đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

4. Việc thành lập và hoạt động của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp được thực hiện theo quy định tại các điều 49, 50, 51 và 52 của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao do tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp; việc phá sản doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao được thực hiện theo quy định của Luật phá sản.

Chính phủ quy định chi tiết Khoản 2 và Khoản 3 Điều này. "

23. Bổ sung Khoản 3 Điều 56 như sau:

"3. Hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh hoạt động thể thao khi có đủ các điều kiện hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 55 của Luật này."

24. Bổ sung Khoản 2a Điều 61 như sau:

"2a. Điều kiện thành lập trường năng khiếu thể thao thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục."

25. Sửa đổi tên khoản 2 Điều 61 như sau:

"2. Điều kiện hoạt động của trường năng khiếu thể thao:"

26. Sửa đổi khoản 2 Điều 64 như sau:

"2. Khoản thu từ hoạt động thi đấu, biểu diễn, kinh doanh hoạt động thể thao; chuyển nhượng quyền sở hữu đối với giải thể thao thành tích cao và giải thể thao chuyên nghiệp."

27. Bổ sung Khoản 3a Điều 64 như sau:

"3a. Khoản thu từ các hoạt động thể thao, đặt cược từ các hoạt động thể thao tổ chức tại Việt Nam."

28. Bổ sung khoản 2a Điều 69 như sau:

"2a. Bảo vệ và tuân thủ quyền của Ủy ban Ô-lim-pích quốc tế đối với biểu tượng, cờ, khẩu hiệu, nhạc thiều Ô-lim-pích, các từ ngữ "Olympic" và "Olympiade"."

29. Sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 71 như sau:

"7. Xây dựng hệ thống thi đấu của môn thể thao; tổ chức, quản lý các giải thể thao quốc gia và giải thể thao quốc tế tại Việt Nam theo thẩm quyền."

30. Bổ sung Khoản 8a Điều 71 như sau:

"8a. Công nhận cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ đủ tiêu chuẩn thi đấu thể thao thành tích cao."

Điều 2. Thay đổi tên gọi cơ quan quản lý nhà nước về thể dục, thể thao

1. Thay thế cụm từ "Ủy ban Thể dục thể thao" bằng cụm từ "Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch" tại các khoản 2, 3 Điều 5, khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 16, khoản 4 Điều 69, khoản 9 Điều 71.

2. Thay thế cụm từ "Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao" bằng cụm từ "Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch" tại các khoản 2

Điều 21, khoản 4 Điều 35, khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 42, khoản 4 Điều 61.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

Chính phủ quy định chi tiếtĐiều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thể dục, thể thao và hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2018.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân